

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2020/HS-ST
Ngày: 14/01/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Tiến Dũng.

2/ Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 415/2019/TLST/HSST ngày 02 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 396/2019/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2019;

Nguyễn Thị Bích V, sinh năm: 1991; tại: tỉnh AG; Giới tính: Nữ; Hộ khẩu thường trú: ấp H, xã HX, huyện P, tỉnh AG; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 00/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị L; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/8/2019 đến ngày 06/9/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1963 (vắng mặt); Hộ khẩu thường trú: 54 P C L, Phường H, quận T, Thành phố H; Nơi cư trú: Số 08, đường số 4, khu phố N, phường HB, quận TĐ, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Nguyễn Thị Bích V là người làm giúp việc nhà cho gia đình chị Nguyễn Thị Q từ ngày 11/8/2019 tại nhà số 8, đường 4, Khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 09 giờ ngày 30/8/2019,

trong lúc V đang dọn dẹp thì nhìn thấy cửa phòng ngủ của chị Q ở lầu 1 không đóng nên V đi vào với mục đích dọn dẹp phòng cho chị Q. Khi V đi vào bên trong phòng thì nhìn thấy cửa tủ quần áo của chị Q để hở bên trong có một túi xách màu đen chưa kéo hết dây kéo và để lộ ra tờ tiền có mệnh giá 500.000 đồng. V quan sát không có ai nên đi đến mở cửa tủ quần áo ra, tay phải giữ túi xách, tay trái kéo dây kéo ra và dùng tay trái lấy trong túi xách một xấp tiền tổng cộng 10.000.000 đồng đều có mệnh giá 500.000 đồng. Sau đó, V bỏ xấp tiền vào túi quần bên phải và đóng cửa tủ quần áo lại, V đi xuống tầng trệt cất giấu xấp tiền vừa lấy trộm được vào thùng carton để trong phòng ngủ đối diện phòng bếp ở tầng trệt rồi tiếp tục dọn dẹp nhà cho chị Q.

Khoảng 10 giờ ngày 30/8/2019, chị Nguyễn Thị Q lên phòng ngủ lấy tiền để trả tiền công cho thợ đang sửa chữa nhà cho chị Q thì phát hiện bị mất trộm 10.000.000 đồng nên đến Công an phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức trình báo. Công an phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức tiếp nhận lập hồ sơ và mời Nguyễn Thị Bích V về làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, Nguyễn Thị Bích V đã khai nhận toàn bộ hành vi như trên và đã giao nộp 10.000.000 đồng.

* Vật chứng thu giữ: Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 10.000.000 đồng (20 tờ tiền Polyme có mệnh giá 500.000đ)

* Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức đã trả lại số tiền 10.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Q.

[2] Bản Cáo trạng số 361/CT-VKSTĐ ngày 20/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức truy tố bị cáo Nguyễn Thị Bích V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cùng các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

Tại phiên tòa bị cáo không tranh luận hoặc bào chữa gì thêm, bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo có và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, có căn cứ xác định:

Khoảng 09 giờ ngày 30/8/2019, Nguyễn Thị Bích V đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Q tại nhà số 8, đường 4, Khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hành vi của Nguyễn Thị Bích V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Vì động cơ vụ lợi, bị cáo đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội thể hiện bị cáo rất liều lĩnh và xem thường pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Xét bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại và tài sản đã thu hồi trả bị hại là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xét bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi ở ổn định rõ ràng; từ khi được tại ngoại đến nay không có vi phạm gì, có khả năng tự cải tạo trong môi trường xã hội cụ thể để hoàn lương, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục và tạo điều kiện để bị cáo sửa chữa lỗi lầm của mình.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về xử lý vật chứng: Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 10.000.000 đồng (20 tờ tiền Polyme có mệnh giá 500.000đ) đã được trả lại cho bị hại.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Q đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Bích V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều

65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích V 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Bích V cho Ủy ban nhân dân xã Hiệp Xương, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Bích V phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án. Riêng bị hại vắng mặt, thời gian kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Thủ Đức;
- Nhà tạm giữ Công an quận Thủ Đức;
- Cơ quan THA.HS Công an quận Thủ Đức;
- Chi cục THA.DS quận Thủ Đức;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Lưu